

Số: 99 /KH-UBND

Bình Giang, ngày 01 tháng 11 năm 2019

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án “Phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2019 - 2025” trên địa bàn huyện Bình Giang

Căn cứ công văn số 3292/KH-UBND ngày 20/9/2019 của UBND tỉnh Hải Dương về Kế hoạch triển khai thực hiện đề án “Phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2019 - 2025”.

Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Bình Giang xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2019 - 2025” trên địa bàn huyện Bình Giang cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Củng cố, phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của huyện, đáp ứng nhu cầu đến trường của trẻ em theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế. Đa dạng hóa các phương thức, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo hướng đạt chuẩn chất lượng giáo dục mầm non (GDMN) trong tỉnh và theo thực tế của huyện Bình Giang; củng cố, duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi, chuẩn bị tốt cho trẻ em vào học lớp một; phát triển GDMN cho trẻ em dưới 5 tuổi; đảm bảo đủ số lượng người làm việc trong trường mầm non theo hướng phù hợp, tinh gọn, hiệu quả theo quy định tại các văn bản hiện hành.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Giai đoạn 2019- 2020

- **Về quy mô, mạng lưới trường, lớp:** Đến năm 2020, mạng lưới trường, lớp được củng cố, tăng cường, đủ năng lực huy động ít nhất 46,8% trẻ em độ tuổi nhà trẻ, 99% trẻ mẫu giáo, trong đó 100% trẻ mẫu giáo 5 tuổi được đến trường, đẩy mạnh phát triển các cơ sở GDMN ngoài công lập, phấn đấu tỷ lệ huy động trẻ em trong các cơ sở GDMN ngoài công lập chiếm từ 10% trở lên trong tổng số trẻ ra nhóm, lớp.

- **Về chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ:** Đến năm 2020, toàn huyện duy trì 100% nhóm, lớp mầm non học 2 buổi/ngày; tỷ lệ trẻ em phát triển bình thường về chiều cao, cân nặng ở mức 97% trở lên, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm trung bình 0,2%/năm, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm trung bình 0,1%/năm, tỷ lệ trẻ em thừa cân, béo phì được khống chế dưới 5%.

- **Về đội ngũ giáo viên:** Đến năm 2020, có ít nhất 83% giáo viên đạt trình độ từ cao đẳng sư phạm mầm non trở lên; 75% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp từ khá trở lên.

- **Về cơ sở vật chất trường, lớp:** Bảo đảm 01 phòng học/lớp (nhóm); tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 93% trở lên.

- **Về kiểm định chất lượng giáo dục và trường chuẩn quốc gia:** Đến năm 2020, 100% trường mầm non hoàn thành tự đánh giá, trong đó có ít nhất 75% số trường được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục; có ít nhất 60% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

- **Về phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi:** 100% xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi; duy trì, nâng cao chất lượng các điều kiện về đội ngũ giáo viên, nhân viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học quy định tại Điều 3 Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) để bảo đảm chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi.

2.2. Giai đoạn 2021- 2025

- **Về quy mô mạng lưới trường lớp:** Đến năm 2025, có ít nhất 48% trẻ em độ tuổi nhà trẻ, 99,5% trẻ em độ tuổi mẫu giáo được đến trường, tỷ lệ huy động trẻ em trong các cơ sở GDMN ngoài công lập chiếm từ 15% trở lên trong tổng số trẻ huy động ra nhóm, lớp.

- **Về chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ:** Đến năm 2025, 100% nhóm, lớp mầm non học 2 buổi/ngày; tỷ lệ trẻ em phát triển bình thường về chiều cao, cân nặng ở mức 98% trở lên, duy trì tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm trung bình 0,2%/năm, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm trung bình 0,1%/năm, tỷ lệ trẻ em thừa cân, béo phì được khống chế dưới 5%.

- **Về đội ngũ giáo viên:** Phân đầu đến năm 2025, có đủ số lượng giáo viên mầm non đáp ứng nhu cầu phát triển quy mô nhóm, lớp theo từng năm học; tuyển dụng giáo viên tại các trường mầm non công lập vào viên chức nhà nước đúng quy định, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương; 90% giáo viên đạt trình độ từ cao đẳng sư phạm mầm non trở lên; 90% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp từ khá trở lên.

- **Về cơ sở vật chất trường, lớp:** Phân đầu đến năm 2025, tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 100%.

- **Về kiểm định chất lượng giáo dục và trường chuẩn quốc gia:** Đến năm 2025, 100% trường mầm non hoàn thành tự đánh giá theo đúng chu kỳ; 100% số trường mầm non được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục; 100% trường mầm non công lập đạt chuẩn quốc gia.

- **Về phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi:** Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển GDMN

1.1. Thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách về phát triển GDMN trên địa bàn huyện theo quy định và hướng dẫn của tỉnh. Triển khai kịp thời và có hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật của các cấp có thẩm quyền quy định hoạt động và quản lý chất lượng GDMN;

1.2. Thực hiện Đề án “Tổ chức, sắp xếp các trường mầm non, phổ thông công lập tỉnh Hải Dương, giai đoạn 2019 - 2021”, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập nói chung và các trường

mầm non công lập nói riêng, kết hợp thực hiện tinh giản biên chế, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới; thực hiện một số nội dung hỗ trợ ưu tiên các nhóm trẻ lớp mẫu giáo độc lập tại các khu đông dân cư, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp cho các giáo viên, cô bảo mẫu và chủ các nhóm trẻ độc lập tư thục; hỗ trợ trang thiết bị, đồ dùng và đồ chơi cho các nhóm trẻ độc lập tư thục;

1.3. Thực hiện nghiêm túc chế độ làm việc của giáo viên mầm non, bổ sung kịp thời, đủ số lượng người làm việc trong các cơ sở GDMN công lập đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

2. Huy động nguồn lực tài chính cho phát triển GDMN

2.1. Thực hiện ưu tiên ngân sách chi cho các hoạt động của GDMN trong phạm vi ngân sách được giao theo phân cấp;

2.2. Huy động nguồn lực, lồng ghép kinh phí từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình giảm nghèo bền vững, các chương trình Dự án, Đề án khác và nguồn lực xã hội hóa để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi cho GDMN nhằm bảo đảm các điều kiện thực hiện đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp GDMN; huy động sự đóng góp của nhân dân, kết hợp với chính sách hỗ trợ của Nhà nước để nâng cao chất lượng tổ chức bán trú cho trẻ;

2.3. Thực hiện đồng bộ các giải pháp xã hội hóa giáo dục, tạo hành lang pháp lý và môi trường đầu tư thông thoáng để khuyến khích và thu hút nguồn lực xã hội cho phát triển GDMN, nhất là phát triển GDMN ngoài công lập ở những nơi có điều kiện, khu đông dân cư.

3. Đổi mới công tác quản lý GDMN

3.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền trong việc phát triển GDMN; đưa mục tiêu phát triển GDMN vào chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và kế hoạch thực hiện, chương trình hành động của các tổ chức chính trị - xã hội;

3.2. Nâng cao năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở GDMN;

3.3. Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá của các cấp quản lý giáo dục bảo đảm thực chất, hiệu quả, tránh hình thức;

3.4. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý GDMN và trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ, bảo đảm tính thống nhất, khách quan, chính xác và kịp thời.

4. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về GDMN

4.1. Làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, cộng đồng, gia đình về vai trò, vị trí của GDMN trong hệ thống giáo dục quốc dân và trong phát triển nguồn nhân lực;

4.2. Xây dựng kế hoạch thông tin và truyền thông, phổ biến kiến thức và kỹ năng cơ bản về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đến cha mẹ và cộng đồng; xây dựng chuyên trang, chuyên mục về GDMN trên các phương tiện thông tin đại chúng; đẩy mạnh hơn nữa việc tuyên truyền về GDMN trên các trang thông tin điện tử của Phòng GD&ĐT và các trường mầm non trong toàn huyện;

4.3. Chú trọng tuyên truyền những việc làm tốt, tấm gương nhà giáo tiêu biểu, các cơ sở GDMN và địa phương đi đầu trong việc phát triển GDMN.

5. Đổi mới nội dung, chương trình GDMN

5.1. Triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp để đảm bảo điều kiện thực hiện chương trình GDMN; phát triển các điều kiện và hoạt động của trường mầm non theo các tiêu chí của trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm; đặc biệt quan tâm xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, lấy trẻ làm trung tâm;

5.2. Đổi mới hoạt động chuyên môn trong nhà trường; đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp, hình thức GDMN để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ; rà soát, đánh giá về chương trình GDMN; từng bước đưa vào vận dụng các phương pháp GDMN tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới phù hợp với thực tiễn Việt Nam và huyện Bình Giang để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ; từng bước chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tiếp thu và triển khai chương trình GDMN sau năm 2020 phù hợp với điều kiện thực tiễn, đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế;

5.3. Tổ chức triển khai tài liệu hướng dẫn thực hiện chương trình GDMN phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương; tăng cường hỗ trợ chuyên môn cho các nhóm, lớp độc lập tự thực;

5.4. Triển khai có hiệu quả việc cho trẻ mẫu giáo làm quen với ngoại ngữ và tin học ở những nơi có điều kiện;

5.5. Triển khai bộ công cụ và tài liệu hướng dẫn, hỗ trợ giáo viên, cha mẹ trẻ về phát hiện sớm, can thiệp sớm đối với trẻ em có nguy cơ chậm phát triển và trẻ em khuyết tật; đẩy mạnh giáo dục hòa nhập đối với trẻ em khuyết tật.

6. Nâng cao chất lượng chăm sóc, sức khỏe và dinh dưỡng cho trẻ MN

6.1. Hỗ trợ phòng chống suy dinh dưỡng đối với trẻ mầm non thông qua chế độ chăm sóc dinh dưỡng phù hợp, kết hợp với giáo dục phát triển vận động;

6.2. Lựa chọn, nhân rộng các mô hình phối hợp nhà trường, gia đình, cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non;

6.3. Huy động sự đóng góp của nhân dân, kết hợp với chính sách hỗ trợ của Nhà nước để nâng cao chất lượng bữa ăn bán trú;

6.4. Tập huấn, khai thác và sử dụng có hiệu quả tài liệu phổ biến kiến thức và kỹ năng cơ bản về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ cho cha mẹ và cộng đồng.

7. Hoàn thiện quy hoạch mạng lưới trường, lớp, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho GDMN

7.1. Rà soát, quy hoạch, phát triển mạng lưới trường lớp theo hướng chuẩn hóa, bảo đảm xã, thị trấn đều có quy hoạch chi tiết và dành quỹ đất xây dựng cơ sở GDMN phù hợp với tình hình thực tế địa phương, đáp ứng nhu cầu đưa trẻ đến trường/lớp mầm non phù hợp với Đề án “Tổ chức, sắp xếp các trường mầm non, phổ thông công lập tỉnh Hải Dương, giai đoạn 2019 - 2021” ban hành theo Quyết định số 1956/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 của UBND tỉnh Hải Dương;

7.2. Đẩy mạnh các giải pháp phát triển trường, lớp đáp ứng nhu cầu chăm sóc giáo dục con công nhân, người lao động ở khu vực có khu công nghiệp, khu đông dân cư; Tăng cường tham mưu hỗ trợ kinh phí đầu tư cơ sở vật chất cho các đơn vị còn khó khăn;

7.3. Bảo đảm yêu cầu kiên cố hóa trường lớp và đủ 01 phòng/nhóm, lớp, không có nhóm, lớp học ghép 2, 3 độ tuổi, xóa phòng học bán kiên cố, xuống cấp, phòng học tạm, nhờ, mượn; các công trình, hạng mục công trình khi đầu tư xây dựng mới, xây dựng bổ sung hoặc cải tạo phải bảo đảm các yêu cầu về thiết kế quy định tại Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết trường mầm non, đáp ứng yêu cầu đạt chuẩn quốc gia và bảo đảm quy định tại Điều lệ trường mầm non. Quan tâm xây dựng, bổ sung hạng mục nhà vệ sinh, công trình nước sạch và bếp ăn bán trú... tại điểm trường lẻ;

7.4. Các cơ sở GDMN tiếp tục thực hiện đầy đủ, có hiệu quả việc khai thác, sử dụng, bảo quản thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi trong lớp và ngoài trời hiện có. Hằng năm, các cơ sở GDMN thực hiện rà soát, cân đối, lập kế hoạch để mua sắm bổ sung, thay thế các thiết bị dạy học tối thiểu, đồ dùng đồ chơi trong lớp và ngoài trời đáp ứng đủ cho tất cả nhóm, lớp.

8. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý GDMN

8.1. Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên mầm non (GVMN) đủ về số lượng, bảo đảm chất lượng; khắc phục tình trạng thiếu giáo viên; phát triển đội ngũ CBQL, GVMN cốt cán; bồi dưỡng CBQL, GVMN đạt chuẩn nghề nghiệp GVMN, chuẩn hiệu trưởng, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp CBQL và GVMN. Chú trọng bồi dưỡng kỹ năng, phương pháp tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ, nâng cao năng lực thực tiễn cho giáo viên;

8.2. Bố trí đủ giáo viên theo định mức giáo viên/nhóm, lớp được quy định tại các văn bản hiện hành về danh mục khung vị trí, việc làm và định mức số người làm trong các cơ sở GDMN công lập, phù hợp với thực tiễn của địa phương để bảo đảm chất lượng thực hiện Chương trình GDMN, tạo điều kiện cho giáo viên có thời gian tự học, tự bồi dưỡng và tham gia các hoạt động khác;

8.3. Các cơ sở GDMN ngoài công lập đảm bảo chế độ lương cho giáo viên không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng và thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách cho giáo viên theo quy định.

9. Đẩy mạnh xã hội hóa GDMN

9.1. Huy động các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia phát triển GDMN;

9.2. Thực hiện nghiêm túc các cơ chế, chính sách về xã hội hóa giáo dục, tạo điều kiện thuận lợi về đất đai, tín dụng, thuế và thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở GDMN phục vụ nhu cầu chăm sóc giáo dục trẻ của công nhân, người lao động ở các khu công nghiệp, khu chế xuất và của người dân ở những nơi tập trung đông dân cư;

9.3. Khuyến khích xã hội hóa việc xây dựng và phát triển trường mầm non chất lượng cao;

9.4. Thực hiện đồng bộ các giải pháp xã hội hóa giáo dục, tạo hành lang pháp lý và môi trường đầu tư thông thoáng để khuyến khích và thu hút nguồn lực xã hội cho phát triển GDMN.

10. Tăng cường hỗ trợ từ các Chương trình, Dự án và tài trợ của các tổ chức quốc tế để phát triển GDMN

10.1. Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, tranh thủ các nguồn đầu tư, tài trợ từ các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước để phát triển GDMN;

10.2. Sử dụng có hiệu quả các nguồn hỗ trợ từ các Chương trình, Dự án và Đề án để tổ chức tập huấn các kỹ năng, các nội dung về chăm sóc và phát triển trẻ em, hướng tới hợp tác quốc tế trong việc chăm sóc và phát triển trẻ em.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch phát triển GDMN từ các nguồn

Ngân sách Nhà nước: Từ nguồn chi sự nghiệp GD&ĐT; lồng ghép từ nguồn vốn của các Chương trình, Dự án ... được cấp có thẩm quyền giao trong kế hoạch hằng năm của các Sở, ngành, địa phương theo phân cấp quản lý hiện hành;

Nguồn thu hợp pháp của các cơ sở giáo dục; nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân và các nguồn vốn xã hội hợp pháp khác.

2. Việc lập và triển khai thực hiện kế hoạch tài chính cho các nhiệm vụ của Kế hoạch phát triển GDMN thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành về kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch tài chính trung hạn của Nhà nước.

IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Kế hoạch phát triển GDMN được chia làm 2 giai đoạn:

Giai đoạn I (2019 - 2020):

Củng cố, từng bước mở rộng mạng lưới cơ sở GDMN; bảo đảm cơ bản đủ về số lượng đội ngũ giáo viên, số phòng học và cơ sở vật chất tối thiểu đáp ứng nhu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ theo quy định tại các văn bản của cấp có thẩm quyền; tiếp tục thực hiện chính sách đối với giáo viên và trẻ em mầm non.

Giai đoạn II (2021 - 2025):

Hoàn thiện mạng lưới cơ sở GDMN; bảo đảm các điều kiện cơ sở vật chất; nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, triển khai thực hiện Chương trình GDMN đạt hiệu quả; bảo đảm công bằng trong giáo dục.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

a) Là cơ quan thường trực, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các phòng, ban khác có liên quan để tham mưu với UBND huyện ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2019 - 2025” trên địa bàn huyện Bình Giang; hướng dẫn các đơn vị liên quan thực hiện nội dung tại Kế hoạch này;

b) Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban có liên quan rà soát, nghiên cứu xây dựng, đề xuất cơ quan có thẩm quyền ban hành các chính sách đối với GDMN phù hợp Luật giáo dục và phù hợp với điều kiện thực tế của huyện;

c) Phối hợp với Phòng Nội vụ rà soát, đề xuất các cơ chế, chính sách đối với CBQL, GVMN phù hợp với chủ trương của Đảng và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh;

d) Tổ chức giám sát, kiểm tra, thường xuyên đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển GDMN theo từng giai đoạn, định kỳ báo cáo UBND huyện.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Nghiên cứu, tham mưu cho UBND huyện ưu tiên, bố trí và phân bổ kinh phí từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu, các Dự án và Đề án có liên quan được phê duyệt để tiếp tục đầu tư duy trì thành quả phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi và thực hiện các nội dung của Kế hoạch phát triển GDMN giai đoạn 2019 - 2025.

3. Phòng Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Phòng GD&ĐT nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách đối với CBQL và GVMN phù hợp với chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp và phù hợp với điều kiện thực tế của huyện; tham mưu với UBND huyện trình Sở Nội vụ tiếp tục bổ sung đủ CBQL, GVMN và nhân viên trong các cơ sở GDMN công lập theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT- BNV ngày 16/3/2015 của Liên Bộ GD&ĐT - Bộ Nội vụ quy định khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở GDMN công lập; đặc biệt là quy định định mức giáo viên tối thiểu trên nhóm, lớp.

4. Phòng Y tế

Chủ trì xây dựng kế hoạch và thực hiện các chương trình tiêm chủng, phòng bệnh cho trẻ em. Phối hợp với Phòng GD&ĐT xây dựng và hoàn thiện các chương trình dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng lồng ghép trong đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non; đồng thời phối hợp thực hiện việc phổ biến kiến thức, kỹ năng và cung cấp dịch vụ chăm sóc, giáo dục trẻ tại gia đình.

5. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với Phòng GD&ĐT và các ngành, đoàn thể có liên quan chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các nội dung có liên quan đến việc bảo vệ quyền lợi người lao động và quyền trẻ em trong lĩnh vực GDMN; xây dựng chương trình đầu tư theo mục tiêu phát triển GDMN để triển khai thực hiện trong Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, trình Hội đồng nhân dân và UBND huyện.

6. UBND các xã thị trấn

a) Xây dựng chương trình, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch để chỉ đạo, triển khai thực hiện trên địa bàn;

b) Thực hiện việc quy hoạch mạng lưới, xây dựng các cơ sở GDMN phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; rà soát, sắp xếp các điểm trường theo hướng thu gọn đầu mối; đảm bảo thuận lợi cho nhân dân đưa trẻ đến trường, phù hợp với Kế hoạch số 2827/KH-UBND ngày 01/11/2016 về việc tiếp

tục thực hiện Đề án “Xây dựng trường chuẩn quốc gia ở các cấp học” giai đoạn 2016 - 2020 của UBND tỉnh Hải Dương;

c) Thực hiện đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ triển khai chương trình GDMN; đảm bảo chính sách phát triển GDMN trên địa bàn; bố trí ngân sách chi cho GDMN theo đúng quy định hiện hành;

d) Rà soát và thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với giáo viên ở các cơ sở GDMN trên địa bàn (kể cả công lập và ngoài công lập) theo đúng quy định của Nhà nước;

đ) Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phối hợp giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non, tiếp cận với GDMN trong khu vực và trên thế giới;

e) Thực thi đầy đủ và có hiệu quả cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa GDMN; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về các thủ tục để các nhà đầu tư tham gia phát triển trường, lớp mầm non trên địa bàn.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Phát triển GDMN giai đoạn 2019 - 2025” trên địa bàn huyện Bình Giang. UBND huyện yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan đơn vị, lãnh đạo các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, hoặc cần điều chỉnh bổ sung, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan gửi đề xuất về Phòng GD&ĐT để tổng hợp báo cáo UBND huyện xem xét xử lý. /.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Các phòng: GD&ĐT, Tài chính, Nội vụ, Y tế, LĐT&XH;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT-VP. *LM*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trung Kiên
Nguyễn Trung Kiên